

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
1	040050	Lãnh Chí Cường	16/10/2010	PTDTNT THCS Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	5.75	6	7.75	1.0		20.50	
2	040297	H Nguyệt Niê	27/07/2010	PTDTNT THCS Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	2.25	5	2.25	1.0		10.50	
3	040386	Bùi Thị Tuyên Quang	11/03/2010	PTDTNT THCS Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	5.5	6	3.75	1.0		16.25	
4	040471	H Trinh Niê	24/03/2010	PTDTNT THCS Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	3.75	6.25	4.25	1.0		15.25	
5	040476	H Tú Hwing	29/11/2010	PTDTNT THCS Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	3.75	7	2	1.0		13.75	
6	040478	H Tuyên Khuôr	26/09/2010	PTDTNT THCS Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	2.5	7.5	3.5	1.0		14.50	
7	090006	Dương Thị Tuyết Anh	20/01/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	4	5.5	4.25			13.75	
8	090024	Triệu Hoàng Bảo	21/04/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	2.5	4.5	2.5	1.0		10.50	
9	090038	Chiu Thị Linh Chi	30/10/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	3.75	4.5	3.75	1.0		13.00	
10	090113	Nguyễn Huy Hiếu	19/04/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	4.75	6.25	5.25			16.25	
11	090136	Nguyễn Gia Huy	22/09/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	3	4.75	0.5			8.25	
12	090225	Phân Thị Nguyệt Minh	02/12/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	3.25	7.25	3.5	1.0		15.00	
13	090342	Dương Nhã Quỳnh	05/09/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	4.75	6.5	5.25	1.0		17.50	
14	090398	Lê Văn Tiến	02/03/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	3.75	4.75	2.5			11.00	
15	090406	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/06/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	4	4.5	1.75			10.25	
16	090410	Lý Thị Ngọc Trâm	24/09/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	4.25	4.5	3.75	1.0		13.50	
17	090444	Triệu Thuý Vi	06/07/2010	TH VÀ THCS HÙNG VƯƠNG	Huyện Cư M'gar	2.75	6.75	3.5	1.0		14.00	
18	090288	Linh Thị Kim Như	19/09/2010	TH&THCS Đinh Núp	Huyện Cư M'gar	4.5	6.25	2.5	1.0		14.25	
19	090015	Long Thị Vân Anh	24/02/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	5	4	4.75	1.0		14.75	
20	090016	Y Đức Thành Ayün	25/12/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.5	3	3	1.0		10.50	
21	090025	Hồ Khắc Xuân Bắc	10/01/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.75	4.75	2.75			10.25	
22	090041	Nguyễn Thị Kim Chi	23/02/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.5	4.25	2.25			9.00	
23	090057	Hoàng Thị Dung	22/11/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.25	3.5	2.5	1.0		9.25	
24	090065	Nông Thị Ánh Dương	20/01/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.25	5.25	4	1.0		12.50	
25	090073	Chu Văn Đạt	18/09/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.5	5	3.25	1.0		12.75	
26	090074	Đàm Văn Đạt	25/07/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.25	4.25	1.75	1.0		9.25	
27	090085	Trần Ngọc Đức	21/07/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.75	5.75	2.5			11.00	
28	090132	Lê Văn Hoàng	26/10/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.25	4.75	3			11.00	
29	090137	Bế Bảo Huy	21/08/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.75	5.25	3	1.0		13.00	
30	090138	Nguyễn Quang Huy	22/12/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.25	7.75	8			20.00	
31	090158	H Trúc Khuôr	04/11/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.25	4.25	3	1.0		12.50	
32	090160	Lý Thái Khang	16/05/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.75	4	2.5	1.0		10.25	
33	090162	Sầm Bảo Duy Khánh	21/11/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.25	3.75	4	1.0		13.00	
34	090170	Hồ Nghĩa Anh Khoa	28/05/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3	2.75	2.25			8.00	
35	090205	Phan Văn Lực	01/07/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.75	4.5	5.5	1.0		13.75	
36	090208	Vi Thị Văn Ly	06/11/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.5	4.25	4	1.0		13.75	
37	090214	Thắm Xuân Mai	04/10/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.25	7.25	4	1.0		15.50	
38	090242	Hà Văn Nam	14/05/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.25	5	3.5	1.0		13.75	
39	090243	Nguyễn Bảo Nam	01/11/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2	5.75	5.25	1.0		14.00	
40	090300	H Dang Niê	15/04/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.75	4	4.25	1.0		14.00	
41	090303	H Nak Niê	07/03/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.75	4.5	5.25	1.0		15.50	
42	090304	Y Hệ Niê	14/12/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	1.75	4.5	4	1.0		11.25	
43	090305	H Sinly Niê	01/02/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3	5.5	4	1.0		13.50	
44	090378	Hà Thị Hồng Thắm	27/01/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	4.5	7	6	1.0		18.50	
45	090391	Trần Phan Anh Thư	06/07/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.75	7.5	7.75			19.00	
46	090397	Lưu Thị Tiền	22/10/2009	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.75	3	3.75			10.50	
47	090399	Nguyễn Hữu Đức Tiến	17/07/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3	5	3.5			11.50	
48	090407	Ngô Thùy Trang	31/10/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	6.75	8	7			21.75	
49	090411	Hoàng Thị Hải Trâm	06/11/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.75	3.25	2.75	1.0		10.75	
50	090432	Nông Anh Tú	30/01/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	2.5	3.25	1.5	1.0		8.25	
51	090438	Chu Thị Tổ Uyên	27/08/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.5	6.5	5	1.0		16.00	
52	090452	Trần Nhật Vy	27/04/2010	THCS Cao Bá Quát	Huyện Cư M'gar	3.5	4.25	3.25			11.00	
53	040019	H Quyên Ayün	11/09/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	4.75	6.5	3	1.0		15.25	
54	040094	H Ha Lim Hwing	16/05/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.75	6.25	2.25	1.0		12.25	
55	040125	H Tra Hwing	22/09/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	4	5.25	2	1.0		12.25	
56	040127	Y Phê Ro Ñi Hwing	09/09/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2	2	0.5	1.0		5.50	
57	040166	H Châu Ktla	07/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.75	2.75	1.5	1.0		8.00	
58	040169	H Đinh Ktla	26/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	4	3.5	2.75	1.0		11.25	
59	040171	H Na Ri Ktla	06/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.75	7	3.5	1.0		15.25	
60	040175	Y Phong Ktla	20/07/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.5	2.75	4	1.0		10.25	
61	040176	H Đô Na Ktla	08/02/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.75	4.75	2.75	1.0		11.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
62	040270	Y Dược Mlô	20/02/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.75	5.25	0.5	1.0		9.50	
63	040329	Y Phâm Niê	29/01/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.25	4.25	3.75	1.0		12.25	
64	040344	H Ha San Niê	02/02/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.25	3.25	0.5	1.0		7.00	
65	040351	H Diễm Uyên Niê	10/07/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.25	4	3.25	1.0		11.50	
66	040362	H Tuệ Niê	07/01/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3	3.25	0.5	1.0		7.75	
67	040363	Y Sê Văn Niê	11/07/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.75	6	1.5	1.0		12.25	
68	040364	Y Huy Niê	20/02/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	4	6	2.75	1.0		13.75	
69	040371	Y Zu Phi Niê	25/09/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	4.25	5.25	2.5	1.0		13.00	
70	040381	H Phôn Hwing	09/09/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.5	5.75	2.5	1.0		11.75	
71	040511	H Wid Dĩa Niê Siêng	24/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.5	5.25	2.75	1.0		11.50	
72	090027	Y Benny Niê	13/07/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.75	5.75	4.25	1.0		13.75	
73	090044	Y Chuon Adrong	04/03/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.5	3.5	2	1.0		9.00	
74	090056	H Dơi Niê	19/03/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	4.5	5	2.5	1.0		13.00	
75	090088	H Sudân Êban	10/05/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.5	4.75	3	1.0		12.25	
76	090098	H Nhan Ayün	28/08/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.5	5.5	1.5	1.0		11.50	
77	090155	H Ju Ly Niê	10/02/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.25	3	0.5	1.0		7.75	
78	090179	H Ngân Knul	14/09/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.75	3.5	2	1.0		10.25	
79	090180	Y Dược Ktla	13/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.5	7.25	3.5	1.0		15.25	
80	090181	Y Dinh Ktla	28/08/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.25	3.25	1	1.0		7.50	
81	090229	H Noan Mlô	25/03/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.25	2.75	1	1.0		8.00	
82	090253	H Ngan Ktla	29/06/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3	1.25	1.25	1.0		6.50	
83	090296	Y Duyệt Niê	01/01/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.5	4.5	1.5	1.0		10.50	
84	090297	H Văn Niê	29/06/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3.5	3.25	1	1.0		8.75	
85	090306	H Trâm Niê	15/08/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	1.75	2.75	1.75	1.0		7.25	
86	090307	H Tri Niê	19/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2	3	2	1.0		8.00	
87	090308	H Uyên Niê	19/01/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	2.5	3.33	2	1.0		8.83	
88	090354	H Sơ Zin Kdoh	17/11/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3	4.25	1.5	1.0		9.75	
89	090467	H Za Lin Niê	04/07/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3	3.75	2.5	1.0		10.25	
90	090468	Y Zi Ktla	07/10/2010	THCS Ea Tul	Huyện Cư M'gar	3	4.25	2.5	1.0		10.75	
91	040111	Y Huy Ksor	22/07/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	4.5	5	3	1.0		13.50	
92	040278	H My Ra Niê	17/01/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	2	3.75	1	1.0		7.75	
93	090034	H Bưã Mlô	04/12/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	4.25	4.25	0.5	1.0		10.00	
94	090035	H Chăm Mlô	08/05/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	2.25	2	0.25	1.0		5.50	
95	090042	H Chiêm Bđap	03/05/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	5.25	3.25	1	1.0		10.50	
96	090050	H Di Bđap	22/10/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	4.25	5	1.5	1.0		11.75	
97	090134	H Hồng Niê	01/05/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	2.75	5	2.25	1.0		11.00	
98	090224	Nguyễn Nhật Minh	22/07/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3.5	5.25	3.75	1.0		13.50	
99	090248	H Nã Kdoh	05/01/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3.5	4.25	2	1.0		10.75	
100	090315	Y Phai Niê	27/01/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	4.25	1.75	0.75	1.0		7.75	
101	090338	Nguyễn Đức Quân	12/01/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3.75	4.5	0.75			9.00	
102	090353	H Sơ Chin Niê	28/07/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3.25	6	2.25	1.0		12.50	
103	090359	Niê Dinh Tài	13/12/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	1.25	2.75	1.5	1.0		6.50	
104	090419	H Trúc Niê	21/02/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3	5.25	2	1.0		11.25	
105	090423	H Trúc Mlô	10/11/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	4	5	2	1.0		12.00	
106	090436	H Uyên Kdoh	05/12/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3.25	4.75	2.25	1.0		11.25	
107	090462	H Xuyên Ktla	21/12/2010	THCS Hoàng Hoa Thám	Huyện Cư M'gar	3.25	5	1.75	1.0		11.00	
108	090030	Trần Thị An Bình	27/02/2010	THCS Hoàng Văn Thụ	Huyện Cư M'gar	2.25	5	2.25			9.50	
109	090287	Nguyễn Phan Quỳnh Như	03/11/2010	THCS Hoàng Văn Thụ	Huyện Cư M'gar	4.5	4.25	0.5			9.25	
110	090337	Tạ Anh Quân	03/06/2010	THCS Hoàng Văn Thụ	Huyện Cư M'gar	3.25	3.75	0.5			7.50	
111	090422	Ngô Thanh Trúc	10/08/2010	THCS Hoàng Văn Thụ	Huyện Cư M'gar	4	7	3.25		1.5	15.75	
112	090446	Nguyễn Thị Tiểu Vi	26/06/2010	THCS Hoàng Văn Thụ	Huyện Cư M'gar	2.5	4.25	3.25			10.00	
113		H Miê Niê	04/01/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar				1.0		1.00	TT
114		H Nhát Niê	24/04/2009	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar				1.0		1.00	TT
115		H Yuri Êban	25/01/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar				1.0		1.00	TT
116	040489	H Uyên Adrong	18/12/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	5.5	2.75	1.0		12.50	
117	090001	Y Suyn Ktla	01/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	4.5	3	1.0		11.75	
118	090031	Ứng Tiểu Bình	12/03/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.75	4	1.75	1.0		9.50	
119	090036	Lý Diệu Châu	16/07/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	5.5	4.5	3.75	1.0		14.75	
120	090055	H Doãn Êban	14/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	3.25	0.5	1.0		8.00	
121	090091	H Get Ktla	15/03/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	1.75	4.5	1.5	1.0		8.75	
122	090100	H Hà Niê	05/03/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.75	5	4.25	1.0		14.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
123	090102	Nguyễn Duy Hải	16/07/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4.5	4.75	2			11.25	
124	090121	Y Ra - Him Êban	25/03/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.5	4.5	3	1.0		11.00	
125	090127	H Hoài Niê	17/11/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	5	5	1	1.0		12.00	
126	090142	Triệu Anh Huy	01/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	5	5.5	2.25	1.0		13.75	
127	090147	Triệu Thị Huyền	21/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.25	6	4.75	1.0		14.00	
128	090172	Y Khôl Byă	11/11/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4.75	5.5	2.5	1.0		13.75	
129	090185	H Be La Niê	20/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.25	4.5	2.25	1.0		10.00	
130	090187	H Sê La Êban	03/12/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4.5	3.25	1.5	1.0		10.25	
131	090188	H Sô La Niê Kdăm	12/03/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.5	4.75	1.75	1.0		11.00	
132	090197	Đậu Lý Duy Long	10/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Krông Búk	5.75	6.75	7.5			20.00	
133	090209	Lê Thị Kiều Ly	27/06/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.25	5.25	2			9.50	
134	090210	Chiu Mỹ Ly	30/10/2009	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.25	3	1	1.0		7.25	
135	090211	H Mạch Êban	04/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.75	4.5	0.5	1.0		8.75	
136	090217	Hoàng Trúc Mây	15/02/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.75	5.5	4.25	1.0		13.50	
137	090222	Y Miêu Êban	24/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4	5.5	2.5	1.0		13.00	
138	090252	H Nga Êban	17/04/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4	6	1.5	1.0		12.50	
139	090263	H Ngoen Adrong	23/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4.25	5.5	1.5	1.0		12.25	
140	090268	H Nguyệt Êban	09/06/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	4.5	3.25	1.0		12.00	
141	090269	H Nguyn Êban	28/11/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	2.75	1.5	1.0		8.50	
142	090271	H Nhal Byă	22/05/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3	4.75	2	1.0		10.75	
143	090278	Đặng Yến Nhi	13/05/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.75	3.75	1.5			8.00	
144	090281	H Nhộn Niê	17/07/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4.75	6.5	5.25	1.0		17.50	
145	090292	Bản Tâm Như	11/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	4.75	3.5	1.0		12.50	
146	090294	Nguyễn Võ Ni Ni	05/09/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3	5	3			11.00	
147	090311	H Nim Êban	24/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.25	3.75	1.5	1.0		8.50	
148	090320	Y Pheo Êban	09/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	1.25	4.5	2.25	1.0		9.00	
149	090345	Vô Như Quỳnh	10/02/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.5	5	3			10.50	
150	090346	H Na Ra Êban	12/01/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.5	6.75	4	1.0		15.25	
151	090351	Y Sion Niê	13/09/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2	2.25	1.25	1.0		6.50	
152	090366	Băng Tâm Khuôr	24/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4	4	2.5	1.0		11.50	
153	090376	Bùi Thị Ngọc Thảo	17/06/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.5	6	3.5			13.00	
154	090402	H Toa Adrong	30/06/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	6	4.75	4.25	1.0		16.00	
155	090414	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	18/11/2009	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3	2.25	1.75			7.00	
156	090420	Triệu Thị Thanh Trúc	27/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3.25	4.75	3	1.0		12.00	
157	090428	Y Truyền Êban Krông	09/12/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.75	3.25	2.25	1.0		9.25	
158	090431	Nguyễn Vương Trường	17/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4	6	2.25			12.25	
159	090435	H Tuyển Êban	08/09/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	1.75	1.25	2.5	1.0		6.50	
160	090440	Lý Cẩm Uyên	29/01/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	2.5	3.25	3	1.0		9.75	
161	090447	Lý Thị Trúc Vi	02/10/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3	3	2.5	1.0		9.50	
162	090456	Đỗ Thị Lợi Vy	19/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	4.5	4	4.5			13.00	
163	090470	H Zoan Êban	17/08/2010	THCS Lê Hồng Phong	Huyện Cư M'gar	3	4	1.25	1.0		9.25	
164	090067	Trương Nhã Đan	28/02/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4	6.25	4.25			14.50	
165	090079	Nguyễn Thành Đạt	28/10/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	3	4.75	4.75			12.50	
166	090080	Nguyễn Văn Đạt	19/01/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	2.5	3.25	4			9.75	
167	090092	Trần Trường Giang	28/07/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	2.5	5	3.75			11.25	
168	090093	Trương Thị Hà Giang	08/01/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	5.25	5.25	7			17.50	
169	090111	Mai Gia Hân	24/12/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4	6.25	5.25			15.50	
170	090131	Nguyễn Đoàn Ngọc Hoàng	08/08/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	2.5	3	1			6.50	
171	090161	Lê Minh Khang	01/11/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4	4.75	5.75			14.50	
172	090226	Nguyễn Hoàng Minh	18/07/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4.5	4	8.5			17.00	
173	090258	Trần Đình Nghĩa	12/09/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	2.25	3	1.5			6.75	
174	090317	Nguyễn Tiến Phát	23/06/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	2.5	3.25	1.25			7.00	
175	090332	Lê Thị Bích Phương	21/03/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4.75	7	5.5			17.25	
176	090355	Nguyễn Ngọc Sơn	10/11/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4.5	5.75	4			14.25	
177	090360	Trần Đức Tài	14/09/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	1.5	2.5	0.25			4.25	
178	090370	Nguyễn Triệu Thành	10/02/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	3	2	0.5			5.50	
179	090386	Lê Hoàng Thông	17/10/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	4.25	3.5	3			10.75	
180	090418	Trần Phú Trọng	19/11/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	2.25	4	3.5			9.75	
181	090460	Nguyễn Hoàng Gia Vỹ	01/01/2010	THCS Lương Thế Vinh	Huyện Cư M'gar	3.5	3.5	2.75			9.75	
182	090069	Nguyễn Hoàng Linh Đan	01/03/2010	THCS Nam Đà	Huyện Krông Nô	7.5	3.75	2.25			13.50	
183	040207	Lô Thị Khánh Ly	01/11/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	5	7.75	5.75	1.0		19.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
184	040211	Trăng Thị Trúc Mai	06/12/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	4.25	7.25	6.25	1.0		18.75	
185	090032	H Misa Bkrông	07/03/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3.25	4	0.5	1.0		8.75	
186	090152	Lý Thị Quỳnh Hương	04/11/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	4.25	5	3.5	1.0		13.75	
187	090216	Triệu Thị Minh Mẫn	02/11/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	2.75	4.75	2.75	1.0		11.25	
188	090289	Lý Thị Quỳnh Như	03/01/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3.5	7	3.75	1.0		15.25	
189	090295	H Lưom Niê	21/10/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3	2.75	1	1.0		7.75	
190	090298	H Diệp Niê	28/05/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3.75	4.25	1.5	1.0		10.50	
191	090302	H Bê Niê	19/06/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3	4.5	3.75	1.0		12.25	
192	090451	Triệu Phương Vy	27/09/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3.5	5.75	4.75	1.0		15.00	
193	090465	Phùn Ngọc Yển	18/05/2010	THCS Ngô Mây	Huyện Cư M'gar	3.5	5	3.25	1.0		12.75	
194	040070	H Dưm Ayũn	23/04/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4.25	6.67	3	1.0		14.92	
195	040079	Y Đinh Niê	07/03/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	5.5	6.75	2.25	1.0		15.50	
196	040109	H Huân Niê	27/04/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	2.5	5	0.5	1.0		9.00	
197	040285	H Neo Niê	23/12/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4.75	7	2.75	1.0		15.50	
198	040286	H Ngan Kbuôr	01/01/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	2.25	6.75	2.5	1.0		12.50	
199	040382	Y Phôn Niê	11/12/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	2.5	3.75	4.25	1.0		11.50	
200	040467	H Triên Mlô	09/02/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.75	6	1.75	1.0		12.50	
201	090010	Ngô Bảo Anh	05/11/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4.75	2.5	1.75			9.00	
202	090066	H Đan Niê	21/01/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.5	5.75	3.75	1.0		14.00	
203	090126	Trần Thị Hoài	12/05/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4	6.25	0.5			10.75	
204	090234	Chu Nguyễn Bảo My	17/10/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.5	3.5	1			8.00	
205	090240	H Na Sa Kbuôr	02/02/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4	4.75	3.75	1.0		13.50	
206	090265	Nguyễn Bảo Nguyên	22/05/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.5	6	2.5			12.00	
207	090290	Nguyễn Thị Hoàng Như	05/06/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3	5.5	1.5			10.00	
208	090330	Nguyễn Thế Phúc	10/12/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4	6.5	6			16.50	
209	090335	Y Quách Mlô	02/07/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	2.75	3	2	1.0		8.75	
210	090340	Hoàng Đình Quyển	05/10/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.5	5	3.25			11.75	
211	090364	Nguyễn Đạo Tâm	26/07/2009	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.75	5	1.75			10.50	
212	090375	Bùi Lan Thảo	20/02/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	2.75	5.75	3.5			12.00	
213	090380	Lê Nguyễn Anh Thi	18/01/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	6.5	7	7.75			21.25	
214	090384	Phạm Quốc Thịnh	08/11/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.75	6	2.75			12.50	
215	090388	Nguyễn Ngọc Hoài Thom	29/07/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.75	3.5	1.5			8.75	
216	090392	Nguyễn Thị Anh Thư	09/07/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4	8.75	5.5			18.25	
217	090450	Lương Ngọc Hoàng Vũ	30/06/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	4.75	4.5	2.25			11.50	
218	090459	Bùi Thị Hồng Vy	13/08/2010	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Cư M'gar	3.25	7	4.5			14.75	
219	090004	Võ Huỳnh Anh	12/10/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.75	4	4			11.75	
220	090011	Nguyễn Thị Kim Anh	16/07/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4	3.25	4.25			11.50	
221	090012	Siu Hoàng Anh	07/05/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.25	5	4	1.0		14.25	
222	090022	Nguyễn Quang Bảo	07/09/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	4.75	3.25			11.00	
223	090023	Huỳnh Trần Thiên Bảo	01/06/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.5	3.5	3			11.00	
224	090037	Trần Nguyễn Quỳnh Chi	09/11/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.5	5.75	6.25			15.50	
225	090052	Tô Huyền Diệu	28/12/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	5	6.25	4			15.25	
226	090064	Trần Văn Dương	30/12/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4	3	5			12.00	
227	090072	Nguyễn Thành Đạt	26/09/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	3.5	2.5			9.00	
228	090094	Đặng Thị Ngọc Giang	20/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.25	7.25	5	1.0		17.50	
229	090099	H Sa Đê Na Ayũn	05/10/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	5	3.25	1.0		12.25	
230	090101	Nguyễn Quát Hà	02/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.75	3.25	3			10.00	
231	090104	Phùn Thành Hải	06/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.25	3.5	2.5	1.0		11.25	
232	090106	Lê Thị Hằng	26/12/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.25	7	5			15.25	
233	090108	Lê Mai Gia Hân	19/07/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	4.75	4.75			12.50	
234	090112	Nguyễn Phạm Như Hiền	18/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.5	6	4.5			13.00	
235	090119	Lã Công Hiếu	02/05/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.75	3.5	4.25			11.50	
236	090122	Lê Huỳnh Mỹ Hoa	28/11/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.5	3.5	3.5			9.50	
237	090133	Trần Thị Ngọc Hồng	14/01/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	6.25	5.25			14.50	
238	090146	Trịnh Quốc Huy	02/02/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.25	3.75	1.25			7.25	
239	090150	Nguyễn Văn Hưng	01/10/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.5	2.75	1.25			6.50	
240	090168	Trần Anh Khoa	02/11/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.25	4.75	2.75			11.75	
241	090175	Lý Thái Kiệt	13/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	4.25	3.25	1.0		11.50	
242	090182	Bùi Triệu Kỳ	27/12/2009	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4	5	3.75			12.75	
243	090183	Trần Anh Kỳ	22/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.25	4.5	3.5			11.25	
244	090201	Dương Văn Lộc	30/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	2.75	1.75			7.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
245	090219	Lê Thị Mến	28/10/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.25	6.5	4.5			14.25	
246	090231	Nguyễn Phạm Diễm My	03/11/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	7.5	6.5	8.25			22.25	
247	090241	Trần Hoài Nam	24/04/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.5	4	2.5			9.00	
248	090262	Lê Đỗ Bảo Ngọc	06/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2	4.5	3.5			10.00	
249	090276	Trần Thị Phương Nhi	14/05/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.25	4	5			12.25	
250	090279	Phan Huỳnh Yến Nhi	06/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	5.5	2.5			11.00	
251	090280	Lê Thoại Nhiên	26/10/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.5	3.5	3.5			9.50	
252	090282	Lê Thị Mai Nhung	18/01/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.75	3.25	5			12.00	
253	090285	Trần Thị Bảo Như	09/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4	6.5	5			15.50	
254	090323	Phan Thanh Phong	13/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	5.25	6.75	4.75			16.75	
255	090328	Phù Minh Phú	12/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2	3.25	2	1.0		8.25	
256	090362	Hoàng Mỹ Tâm	11/03/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4	6.5	4.25		1.0	15.75	
257	090396	Trương Cẩm Tiên	30/06/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.5	4	5			12.50	
258	090403	Nguyễn Dư Toàn	05/01/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	2.75	2.75	3.25			8.75	
259	090404	Nguyễn Thị Thanh Trà	15/02/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	4	1.75			8.75	
260	090408	Nguyễn Thị Thu Trang	01/01/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.5	3.5	3.5			10.50	
261	090412	Huỳnh Trần Ngọc Trâm	05/11/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.25	3.5	6			13.75	
262	090415	Nguyễn Thành Trí	08/09/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.25	3.25	1.25			7.75	
263	090421	Trần Thị Thanh Trúc	21/09/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	3	2.5			8.50	
264	090430	Hồ Đắc Trường	19/12/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3	3	2			8.00	
265	090453	Hồ Thị Vy	16/08/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	3.5	4.5	3.5			11.50	
266	090464	Lâm Thị Như Ý	15/07/2010	THCS Nguyễn Huệ	Huyện Cư M'gar	4.25	3.75	3.5			11.50	
267	090021	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	28/05/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	4.75	4.5	3.75			13.00	
268	090068	Nguyễn Hoàng Minh Đan	30/03/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	3.25	5.25	3.75			12.25	
269	090139	Phạm Vô Huy	24/08/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	5.25	7.25	8.25		1.0	21.75	
270	090246	Nguyễn Trọng Nam	10/02/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	4.5	5.5	4.25			14.25	
271	090256	Phạm Thị Thùy Ngân	20/10/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	9.25	8.25	9			26.50	
272	090377	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/12/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	6.25	7.25	4.75			18.25	
273	090383	Võ Hoàng Thiện	19/08/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	4.25	5	4			13.25	
274	090433	Đặng Ngọc Thanh Tú	18/08/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	2.5	4.5	4.25			11.25	
275	090466	Ninh Ngọc Yến	05/12/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	9.75	7.75	9			26.50	
276	530033	Trịnh Ngọc Thùy Chi	18/08/2010	THCS Nguyễn Tất Thành	Huyện Cư M'gar	9.75	8.5	8.75			27.00	
277		Y Thư Ê Ban	22/10/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar				2.0		2.00	TT
278	090005	Nguyễn Thị Kim Anh	04/06/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	5.25	6.25	4			15.50	
279	090008	Phan Thị Vân Anh	11/06/2009	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.5	3	2			8.50	
280	090009	Nguyễn Lê Anh	20/10/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.75	4	2.25			10.00	
281	090019	Trương Ngọc Bảo	10/03/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.25	4.75	2.5			9.50	
282	090026	Võ Khánh Băng	27/09/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2	4	1.5			7.50	
283	090046	Nguyễn Huy Chương	27/05/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.75	3	1.5			7.25	
284	090071	Lê Thị Hồng Đào	20/01/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	8.5	8	6.75			23.25	
285	090076	Phan Nguyễn Quốc Đạt	25/10/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	5	6.5	5.75			17.25	
286	090087	H Tuế Êban	20/09/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.5	3.5	1.5	1.0		8.50	
287	090140	Nguyễn Phước Gia Huy	11/04/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	1.5	4.75	3.25			9.50	
288	090141	Nguyễn Gia Huy	05/10/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3	6	5.25			14.25	
289	090148	Trương Quốc Hưng	08/11/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	4.75	5	5			14.75	
290	090164	Huỳnh Văn Khánh	04/08/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	6.25	5.25	8			19.50	
291	090166	Nguyễn Đức Khiêm	10/03/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3	3	2.25			8.25	
292	090177	Đỗ Thị Vân Kiều	10/12/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.25	6.25	1.5			11.00	
293	090206	Đỗ Thanh Trúc Ly	04/09/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.25	6	2.5			11.75	
294	090232	Trần Hà My	25/10/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.25	5	2.5			9.75	
295	090233	Trần Thị Hoàng My	18/10/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.75	4	0.25			8.00	
296	090245	Trương Bảo Nam	22/09/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3	3.5	2.75			9.25	
297	090250	Nguyễn Thị Hồng Nga	22/04/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	4.25	6.75	6			17.00	
298	090255	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/05/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.75	5.25	3			12.00	
299	090260	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	08/06/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.75	4.25	1.75			8.75	
300	090273	Võ Văn Nhân	01/03/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.5	5	2.75			10.25	
301	090277	Bành Phạm Yến Nhi	26/06/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3	4.75	2.25			10.00	
302	090291	Huỳnh Quỳnh Như	22/12/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.5	5.5	3.25			12.25	
303	090324	Nguyễn Hồng Phong	02/02/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	1.75	3.75	0.75			6.25	
304	090327	Nguyễn Đình Gia Phong	09/07/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3	4.33	2			9.33	
305	090336	Trần Minh Quân	12/04/2009	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.5	4.5	1.5			8.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
306	090369	Hoàng Mai Thanh	02/05/2009	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.75	3.25	1.25			7.25	
307	090389	Trương Quỳnh Như Thủy	30/09/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.5	2.75	2.25			7.50	
308	090394	Nguyễn Lê Anh Thư	08/12/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	3.5	6.5	1.5			11.50	
309	090413	Trần Thị Bảo Trâm	08/11/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.25	5.5	3			10.75	
310	090437	Nguyễn Phương Uyên	01/01/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.75	4.25	2.5			9.50	
311	090443	Đinh Thị Thu Vân	12/09/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	2.5	6.75	3.25			12.50	
312	090455	Nguyễn Lê Tường Vy	06/12/2010	THCS Nguyễn Tri Phương	Huyện Cư M'gar	5.25	3.25	2.25			10.75	
313	090084	Nông Minh Đức	15/01/2010	THCS NGUYỄN TRƯỜNG TÔ	Huyện Cư M'gar	2.25	3	1.75	1.0		8.00	
314	090363	Lương Nguyễn Đình Tâm	21/02/2010	THCS NGUYỄN TRƯỜNG TÔ	Huyện Cư M'gar	2.5	2.5	0.25	1.0		6.25	
315	090220	Trần Thị Trà Mí	15/02/2010	THCS Nguyễn Văn Bé	Huyện Cư M'gar	2.75	6	3.75			12.50	
316	090458	Phạm Lê Phương Vy	03/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	Huyện Krông Búk	6	8	6			20.00	
317	090003	Đinh Hoàng Đào An	10/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.25	6	5.75			16.00	
318	090007	Trần Thị Quỳnh Anh	04/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3	5	2			10.00	
319	090039	Lương Thị Diệp Chi	03/12/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4	7	6.25	1.0		18.25	
320	090040	Phạm Thị Mỹ Chi	15/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.5	7.25	3.25			15.00	
321	090045	Nông Duy Chương	30/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	6.75	2.75	1.0		13.00	
322	090048	Phùng Thanh Cúc	25/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	4.75	1			9.00	
323	090058	Đinh Văn Dũng	23/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	6	8			16.75	
324	090059	Hứa Văn Dũng	27/06/2009	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.5	4	1.5	1.0		10.00	
325	090060	Ngô Khánh Duy	15/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.5	4.25	0.5	1.0		10.25	
326	090062	Nông Ngọc Châu Duy	28/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	5	1.75	1.0		10.25	
327	090070	Nguyễn Thị Đào	18/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.75	7.75	5.25			17.75	
328	090077	Hà Lương Đạt	09/11/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.75	7.25	5.75	1.0		18.75	
329	090083	Nguyễn Văn Diệp	28/12/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	5	3.25			11.50	
330	090095	Phan Thị Giang	14/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4	8	6.75			18.75	
331	090105	Nguyễn Thị Xuân Hạnh	07/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	6.75	3.75			13.25	
332	090107	Nguyễn Thị Thu Hằng	16/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.25	6.75	2.5	1.0		12.50	
333	090109	Mông Ngọc Hân	21/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	5.5	6.75	5.25	1.0		18.50	
334	090110	Lê Thị Ngọc Hân	10/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	5.75	1.5			10.50	
335	090114	Đới Sỹ Minh Hiếu	26/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4	5	5			14.00	
336	090116	Nguyễn Đức Hiếu	06/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	5	4			11.50	
337	090117	Ngô Minh Hiếu	29/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.25	6.25	6			16.50	
338	090118	Trần Văn Hiếu	28/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.25	3.75	3			11.00	
339	090120	Đặng Văn Hiếu	20/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	4	4.25			11.00	
340	090124	Trần Đắc Hòa	10/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	5.25	6.5	5			16.75	
341	090128	Phan Bá Hoàn	10/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3	6	3.75			12.75	
342	090129	Phạm Văn Hoàng	26/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	5.5	1			9.00	
343	090130	Quách Đình Hoàng	10/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	7.5	7.25	8			22.75	
344	090135	Liên Văn Hồng	23/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	4	1.75			9.00	
345	090151	Đinh Thị Thu Hương	01/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	5	6.5	4.25			15.75	
346	090169	Nguyễn Anh Khoa	11/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4	5.25	4.25			13.50	
347	090176	Lê Anh Kiệt	26/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.5	5	1.5			10.00	
348	090178	Chiu Thị Thanh Kiều	30/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4	6.25	3.5	1.0		14.75	
349	090190	Nguyễn Thị Phương Lành	25/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.25	6	2.5			10.75	
350	090191	Trương Lâm	07/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	4.5	2.25			9.25	
351	090192	Phúc Cao Lâm	08/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2	5	2.25			9.25	
352	090195	Nguyễn Trần Khánh Linh	15/12/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	5.75	3.25			12.25	
353	090207	Trần Lê Trúc Ly	23/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	6.5	3.75			13.00	
354	090212	Trịnh Thị Thủy Mai	12/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	5	6.5	5.25	1.0		17.75	
355	090215	Phan Tất Mạnh	11/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	3.75	1			7.25	
356	090227	Võ Ngọc Minh	22/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	6.25	5.25	3.75			15.25	
357	090235	Huỳnh Thảo Mỹ	19/12/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	6.75	7	5.75			19.50	
358	090236	Trần Thị Hoàng Mỹ	26/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4	6.75	4.25			15.00	
359	090237	Đinh Xuân Mỹ	10/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	5	3	5			13.00	
360	090254	Trương Huỳnh Kim Ngân	12/03/2009	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	1.5	4.25	2.75			8.50	
361	090259	Phạm Thị Ngọc	28/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	7.5	3.25			13.25	
362	090261	Phan Thị Huyền Ngọc	28/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	6.5	3.5			12.50	
363	090267	Thạch Trung Nguyên	11/10/2009	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.25	4.25	2.25	1.0		9.75	
364	090272	Lê Thị Nhân	20/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3	4.5	2.25			9.75	
365	090274	Hoàng Thanh Minh Nhật	25/11/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3	4.5	1.5	1.0		10.00	
366	090275	Hồ Thị Yến Nhi	17/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	7	4.5			14.75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
367	090299	Y Si Ôn Niê	25/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.25	5.5	2	1.0		10.75	
368	090316	Phạm Gia Tân	14/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.25	5.25	5.75			15.25	
369	090318	Phan Văn Phát	25/02/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.25	7.25	4			15.50	
370	090321	Nguyễn Văn Phi	05/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.75	6.75	3.25			13.75	
371	090325	Lê Văn Hồng Phong	28/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	6.75	6.58	4.25			17.58	
372	090329	Đỗ Ngọc Phúc	08/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	4	1.75			8.50	
373	090331	Võ Thị Kim Phượng	11/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.75	6.5	4.25			14.50	
374	090343	Phạm Ngọc Như Quỳnh	24/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.5	7.25	3.75			15.50	
375	090344	Nguyễn Thị Như Quỳnh	25/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3	6	2.75			11.75	
376	090361	Nguyễn Đức Tâm	23/04/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.5	6.75	3.25			13.50	
377	090368	Cao Thị Thanh	17/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	5.75	3			12.00	
378	090373	Thạch Thị Phương Thảo	28/11/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	6.25	7	5.5	1.0		19.75	
379	090374	Phạm Thị Thanh Thảo	09/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2	5	2.25			9.25	
380	090379	Nguyễn Ngọc Thắng	03/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	1.75	5.83	2			9.58	
381	090381	Bùi Nhất Thiên	22/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.5	6.5	4.75			14.75	
382	090387	Bàn Thị Minh Thơ	26/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.5	5	3	1.0		13.50	
383	090401	Nguyễn Thanh Tịnh	14/11/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.5	5	4.5			12.00	
384	090409	Võ Thị Trang	04/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	4.5	5.25	3.5			13.25	
385	090424	Phùng Thị Anh Trúc	30/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.75	7.25	5.5	1.0		17.50	
386	090425	Trần Quang Trung	20/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	6.5	6.5	7			20.00	
387	090426	Phạm Tấn Trung	19/04/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2	5	0.75			7.75	
388	090427	Huỳnh Văn Trung	26/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.25	5	1.5			9.75	
389	090434	Đàm Ngọc Bảo Tú	19/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.5	4.5	1.5	1.0		10.50	
390	090445	Trương Thị Tường Vi	14/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3	7	4.5			14.50	
391	090448	Đỗ Đình Vinh	21/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	5.25	5.25	2.75			13.25	
392	090454	Lê Đình Bảo Ngọc Tường Vy	24/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	3.5	1.5			7.75	
393	090457	Lê Thị Tường Vy	25/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	2.75	8.5	5.5			16.75	
394	090461	Huỳnh Thị Thanh Xuân	16/11/2010	THCS Phan Đình Phùng	Huyện Cư M'gar	3.75	4.75	1.5			10.00	
395	090103	Tăng Trường Hải	28/02/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Buôn Đôn	4.5	6.75	4	1.0		16.25	
396	090123	Lý Triệu Hòa	21/11/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Buôn Đôn	6.25	6.25	6	1.0		19.50	
397	090284	Tăng Quỳnh Như	10/01/2009	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Buôn Đôn	2.5	5.5	2.25	1.0		11.25	
398	090286	Nguyễn Thị Tâm Như	15/05/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Cư M'gar	2	4.5	4			10.50	
399	090293	Phạm Thị Quỳnh Như	20/02/2009	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Cư M'gar	2.75	4	2			8.75	
400	090301	H Hà Mi Niê	23/02/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Cư M'gar	2	4.25	2	1.0		9.25	
401	090326	Tăng Quốc Phong	15/10/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Buôn Đôn	4.25	4.75	2.75	1.0		12.75	
402	090393	Đặng Kim Thư	04/03/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Buôn Đôn	2.5	5.75	4	1.0		13.25	
403	090417	Đặng Thu Trinh	23/01/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Buôn Đôn	3.25	5.5	2.5	1.0		12.25	
404	100079	Vũ Hoàng Hiệp	03/09/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Cư M'gar	2	3.5	0.5			6.00	
405	100139	Chiêu Thị Thu Li	11/02/2010	THCS Trần Quang Diệu	Huyện Cư M'gar	2.25	2.75	0.5	1.0		6.50	
406	040012	H Anh Niê	01/02/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.75	6.25	3	1.0		14.00	
407	040513	Đinh Êban Thị Kim Xuyên	24/01/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.75	6	1.25	1.0		12.00	
408	090002	Y Am Byă	25/10/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.5	2.5	2.75	1.0		8.75	
409	090013	Phạm Duy Anh	31/01/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.5	1.75	0.75	1.0		6.00	
410	090017	Nguyễn Thái Ân	21/11/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	4	3.25	2.5			9.75	
411	090029	Cao Thị Thanh Bình	05/02/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.5	5.25	5			13.75	
412	090033	H Bliêm Êban	21/01/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3	4.5	1	1.0		9.50	
413	090043	H Chính Êban	10/04/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	5	5.25	3.25	1.0		14.50	
414	090047	Y Chương Niê	28/11/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.5	2.75	1	1.0		7.25	
415	090049	H Dai Niê	12/02/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.5	5.75	2.5	1.0		12.75	
416	090051	Trần Hồng Ngọc Diệp	25/07/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.5	6.5	2.5			11.50	
417	090053	H Dinh Êban	10/01/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.5	2.75	0.75	1.0		7.00	
418	090054	H Doat Êban	27/08/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.75	7.25	5	1.0		17.00	
419	090063	Y Dura Niê	18/04/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.75	2.75	0.75	1.0		7.25	
420	090075	Biên Văn Đạt	10/11/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.25	4	8.25			15.50	
421	090078	Dương Đình Thành Đạt	05/01/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	4.5	5.25	4.5			14.25	
422	090082	H Diêl Kbuôr	23/01/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.5	4.5	0.75	1.0		9.75	
423	090086	Vô Đưông	15/09/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.25	2.5	2.25			8.00	
424	090089	H Êm Êban	01/07/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	4.5	6.75	2.75	1.0		15.00	
425	090090	H Ên Êban	08/11/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2.25	3.75	1.5	1.0		8.50	
426	090096	H Giêm Byă	05/08/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	4.25	6.5	4.5	1.0		16.25	
427	090097	Y Gol Hwing	18/03/2010	THCS Y NGŨNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.25	3.5	1	1.0		8.75	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
428	090115	Y Hiếu Êban	18/09/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	4	3.75	1.0		12.00	
429	090125	Nguyễn Thị Thanh Hoài	02/05/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	5	5.5	5.25			15.75	
430	090143	Huỳnh Đăng Bảo Huy	07/03/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.5	7.25	3.75			14.50	
431	090153	Y Joi Êban	30/10/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4	4	2.25	1.0		11.25	
432	090154	H Jôn Kbuôr	21/10/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	4	2.5	1.0		10.00	
433	090156	Y Jum Niê	24/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2	2.75	2	1.0		7.75	
434	090157	Y Katin Êban	21/09/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.25	5	1.25	1.0		9.50	
435	090159	H Khala Adrong	18/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4.75	4.25	2.5	1.0		12.50	
436	090163	Nguyễn Lê An Khánh	12/11/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4	4.25	3.25			11.50	
437	090165	Y Khân Mlô	13/10/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	1.5	4.25	1.5	1.0		8.25	
438	090167	Y Ra Khim Niê	05/05/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.5	4.25	2.25	1.0		11.00	
439	090171	Nguyễn Hà Đăng Khôi	09/04/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	1.75	4.5	2.25			8.50	
440	090174	Y Sơ Kiãn Êban	09/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3	4.5	1.5	1.0		10.00	
441	090184	Y Sê La Byă	09/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2	3.5	1.75	1.0		8.25	
442	090186	H Sê La Ênuôl	03/08/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	3.75	2.5	1.0		9.75	
443	090189	H Lang Niê	22/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	4.5	2.75	1.0		11.50	
444	090193	H Lên Kbuôr	29/05/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2	5	1.5	1.0		9.50	
445	090194	Y Lihun Niê	15/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4.25	5.5	6	1.0		16.75	
446	090196	H Loanh Êban	19/03/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.25	4.25	2	1.0		9.50	
447	090198	Nguyễn Quốc Long	20/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4	5.25	6.25			15.50	
448	090199	Nguyễn Anh Long	20/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	5.5	5.25			13.25	
449	090202	H Lôi Mlô	14/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.75	6	4	1.0		14.75	
450	090203	Hoàng Xuân Lợi	19/10/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	3.5	2.25			8.25	
451	090204	H M Luinh Knul	20/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	5.75	3	1.0		13.00	
452	090213	Nguyễn Trúc Mai	24/09/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.5	6	3.75			13.25	
453	090218	Y Mel Mlô	06/03/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2	0.75	0.25	1.0		4.00	
454	090221	H Miêm Byă	27/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	6.5	4	1.0		14.75	
455	090223	H Mily Niê	02/05/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.75	5.25	1.75	1.0		10.75	
456	090230	H Mrin Niê	24/10/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.5	6.5	4.5	1.0		15.50	
457	090238	H Lê Na Niê	01/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4	6.75	4.75	1.0		16.50	
458	090239	H Sơ Na Niê	21/04/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	5	3	1.0		12.25	
459	090247	H Nara Êban	17/07/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.75	4.5	2.5	1.0		11.75	
460	090249	H Nếp Adrong	18/11/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3	4.75	2.25	1.0		11.00	
461	090251	H Nga Niê	03/07/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.25	2.75	2	1.0		8.00	
462	090264	Triệu Hoàng Nguyên	16/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	6	6	8	1.0		21.00	
463	090270	H Ngư Niê	28/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.25	3.25	1	1.0		7.50	
464	090283	H Nhuyễn Niê	01/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	4.75	1.5	1.0		9.75	
465	090312	Rah Lan Ninh Niê	31/10/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3	6.25	6	1.0		16.25	
466	090313	H Ôli Adrông	08/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.75	3.5	1	1.0		8.25	
467	090314	H Ôn Kbuôr	06/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.5	4	1.25	1.0		9.75	
468	090319	H Phel Niê	09/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4.25	5.5	4.25	1.0		15.00	
469	090333	H Pim Niê	07/12/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	3	2	1.0		9.25	
470	090334	H Py Byă	24/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	5.5	7.25	3.25	1.0		17.00	
471	090339	Trịnh Văn Quý	26/03/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	2	0.25			5.50	
472	090341	H Quyết Niê	19/12/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.25	4.5	3.5	1.0		11.25	
473	090347	H Rim Êban	21/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	3.75	2.25	1.0		9.50	
474	090348	H Ron Êban	14/12/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.75	5.25	2.5	1.0		12.50	
475	090349	Hồ Công Sang	28/07/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	6.75	7	7.75			21.50	
476	090350	Y Sina Êban	29/07/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4.5	3.5	2.25	1.0		11.25	
477	090352	Y Sôt Êban	01/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.75	2.25	2	1.0		8.00	
478	090356	Đặng Văn Sơn	23/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4.75	4.5	3			12.25	
479	090357	H Sumy Êban	20/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	5.5	5	3.25	1.0		14.75	
480	090358	H Suzin Êban	10/11/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	4.25	6.5	3.75	1.0		15.50	
481	090365	Trần Thiện Tâm	12/09/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.75	3.75	4.75			12.25	
482	090367	H Tết Niê	13/02/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.25	4.75	1	1.0		9.00	
483	090371	Nguyễn Hữu Thành	03/06/2009	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2	5.25	1.5			8.75	
484	090372	Cao Thị Phương Thảo	02/11/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.5	6	4.5			13.00	
485	090382	Nguyễn Đức Thiện	01/08/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	2.75	5.5	8.25			16.50	
486	090385	Nguyễn Văn Thịnh	14/09/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.75	3.5	4			11.25	
487	090390	Y Thuỳên Êban	11/08/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.25	4.75	3.5	1.0		12.50	
488	090400	Nguyễn Văn Tiến	25/03/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KĐẤM	Huyện Cư M'gar	3.5	3.75	4			11.25	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Quận/huyện trường THCS	Điểm các môn thi			Điểm UT	Điểm KK	Tổng điểm	Ghi chú
						Điểm T.Anh	Điểm Văn	Điểm Toán				
489	090405	Trần Đỗ Hương Trà	11/05/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3	6.5	3.25			12.75	
490	090429	Y Trức Êban	06/01/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	4.75	5	2.75	1.0		13.50	
491	090441	H Ly Va Êban	18/06/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	5.25	8	6.5	1.0		20.75	
492	090442	Lê Thị Hồng Vân	03/11/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.75	7	5.5			16.25	
493	090463	H Xuyên Ayün	13/07/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	3.25	2.25	1	1.0		7.50	
494	090469	H Na Zi Niê	14/03/2010	THCS Y NGÔNG NIÊ KDĂM	Huyện Cư M'gar	2	3.75	1.5	1.0		8.25	

Danh sách này gồm: 494 thí sinh

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

Đắk Lắk, ngày 1 tháng 7 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
(Đã ký)

Phan Nhật Khánh